

Số: 69/2019/QĐST-HNGĐ

A, ngày 13 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN
TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện A, tỉnh Hà Giang

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện A, tỉnh Hà Giang

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T và bị đơn Anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và Anh Nguyễn Văn Q. thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự thỏa thuận :

+ Giao cháu Nguyễn Ngọc K (sinh ngày 07/05/2006) và cháu Nguyễn Ánh Ngọc (sinh ngày 18/03/2010), cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi

tháng là: 1.500.000đ/ tháng, kể từ ngày 06/6/2019 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Q có quyền nghĩa vụ thăm con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải thi hành cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 bộ luật Dân sự 2015 trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Về tài sản, công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T nhất trí chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ sơ thẩm thay cho anh Nguyễn Văn Q số tiền là 150.000đ. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 02307 ngày 12 tháng 4 năm 2019 (chị T đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã N, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đán Văn Đ